

NGÔN NGỮ TRONG CÂU TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

TRẦN HOÀNG*

TÓM TẮT

Bài viết đi sâu tìm hiểu, phân tích về cách sử dụng ngôn ngữ trong câu trắc nghiệm khách quan nhằm đáp ứng những yêu cầu chung cũng như những yêu cầu riêng của từng loại câu trắc nghiệm (đúng – sai, có nhiều lựa chọn, ghép đôi và điền khuyết), đồng thời liên hệ đến những dạng lỗi thường gặp trong bài trắc nghiệm ở nhà trường hiện nay.

Từ khóa: bài trắc nghiệm khách quan, câu trắc nghiệm đúng – sai, câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn, câu trắc nghiệm ghép đôi, câu trắc nghiệm điền khuyết.

ABSTRACT

Linguistics in objective test items

The article is about analyzing deeply the ways of using linguistics in objective test items to meet the common as well as peculiar requirements of each form of item (true-false, multiple choice, matching, and completion), and show the common mistakes in developing tests in schools at present.

Keywords: objective test, true – false item, multiple choice item, matching item, completion item.

Trắc nghiệm khách quan (objective test) là một hình thức đo lường, đánh giá thành quả học tập chủ yếu trong giáo dục. Gọi khách quan là nhằm quy ước rằng với hình thức này, sự đánh giá có tính khách quan hơn là bài trắc nghiệm/kiểm tra dạng tự luận. Một bài trắc nghiệm khách quan sẽ chỉ gồm những câu hỏi với câu trả lời cho sẵn để thí sinh lựa chọn, và điểm số toàn bài thi sẽ là tổng số điểm từ các câu trả lời đúng.

Người ta thường nêu lên 4 loại câu trắc nghiệm: câu trắc nghiệm đúng – sai (true-false), câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn (multiple choice), câu trắc nghiệm ghép đôi (matching) và câu trắc nghiệm điền khuyết (completion).

Để soạn thảo được những câu trắc nghiệm có hiệu quả, mang tính giáo dục cao, không thể không chú ý đến mặt ngôn từ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi sâu tìm hiểu, phân tích về cách sử dụng ngôn ngữ trong câu trắc nghiệm khách quan, đồng thời liên hệ đến những dạng lỗi thường gặp trong bài trắc nghiệm ở nhà trường hiện nay, nếu có.

1. Đối với những yêu cầu chung của việc sử dụng ngôn ngữ trong bài trắc nghiệm khách quan

Cũng giống như trong bất kỳ một văn bản khoa học nào, trong một bài trắc nghiệm cũng phải đảm bảo chính xác về chính tả, dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu, liên kết liên câu, cấu tạo văn bản... Cụ thể ở đây là, đối với từ ngữ, không dùng từ ngữ sai chính tả, sai nghĩa, trùng ngữ; đối với câu, không dùng sai dấu câu,

* TS, GVC, Trưởng phòng KHCN & TCKH Trường ĐHSPTP HCM

không viết câu sai ngữ pháp, thiếu trọn vẹn về ngữ nghĩa, phi logic; đối với liên câu, phải có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc...

Trong [3], Patrick Griffin có nêu lên những *lưu ý tổng quát* khi xây dựng câu hỏi trắc nghiệm, trong đó có những lưu ý về ngôn ngữ, rất thiết thực như sau:

1. Diễn đạt câu hỏi càng sáng sủa càng tốt và chú ý đến cấu trúc ngữ pháp.

2. Chọn từ có nghĩa chính xác

3. Dùng những câu đơn giản. Thử nhiều cách đặt câu hỏi và chọn câu đơn giản nhất.

4. Đưa tất cả những thông tin cần thiết vào trong câu dẫn nếu có thể được.

5. Hãy tìm những chỗ gây hiểu lầm mà chưa phát hiện được trong câu hỏi.

6. Trong một bộ câu hỏi, hãy để cho việc tìm ra các câu trả lời đúng, chủ yếu, theo sắp xếp ngẫu nhiên.

7. Tránh các câu hỏi để ca ngợi như “Tại sao Einstein lại là nhà khoa học lỗi lạc nhất thế kỉ XX?”.

8. Đừng có tăng mức độ khó của câu hỏi bằng cách diễn đạt câu hỏi theo mức phức tạp hơn – trừ khi bạn muốn kiểm tra về mặt đọc – hiểu.

9. Tránh cung cấp những đầu mối dẫn đến câu trả lời. Thói quen xây dựng câu trả lời đúng dài hơn các câu nhiễu cũng sẽ bị phát hiện. Câu dẫn của một câu hỏi cũng có thể chứa đựng những thông tin cần thiết để trả lời một câu hỏi khác...

10. Tránh nêu nhiều hơn một ý tưởng độc lập trong một câu dẫn.

11. Tránh những câu rập khuôn hay những câu trích dẫn từ sách giáo khoa vì điều này khuyến khích học sinh học vẹt để tìm được câu trả lời đúng.

12. Tránh những câu hay từ “để lộ” (các định nghĩa cụ thể).

13. Tránh những từ hay câu thừa.

14. Tránh những câu hỏi mang tính khẳng định, như “Tại sao Đức lại muốn chiến tranh vào năm 1914?” làm cho người bị hỏi

ngầm hiểu là chắc chắn Đức muốn có chiến tranh.

15. Nếu một câu hỏi được dựa trên một ý kiến hay một cấp chính quyền nào đó thì nêu rõ quan điểm đó của ai hoặc của chính quyền nào.

16. Khi lên kế hoạch cho một bộ câu hỏi của một kì trắc nghiệm, cần chú ý sao cho một câu hỏi không cung cấp đầu mối cho việc trả lời một hay nhiều câu hỏi khác.

17. Tránh sử dụng những câu hỏi đan cài với nhau hay phụ thuộc lẫn nhau.

18. Tránh những câu hỏi mang tính chất đánh lừa hay gài bẫy.

19. Cố gắng tránh sự mơ hồ trong câu nhận định và trong ý nghĩa.

20. Đề phòng các câu hỏi thừa giả thuyết.

Qua ngữ liệu mà chúng tôi thu thập được (chủ yếu trong ngân hàng đề thi của một trường đại học phía Nam, do nhóm chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học “Ứng dụng mô hình toán học Rasch... xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan” cung cấp¹), có thể nói hiện nay, sự vi phạm những yêu cầu chung về sử dụng tiếng Việt, kể cả lỗi do sai sót trong đánh máy, chế bản, vẫn còn khá phổ biến.

Dưới đây xin đơn cử và phân tích một số dạng lỗi thường gặp.

- Về dùng từ:

+ Viết sai chính tả: *ngũa (ngũa), rộng (rông), dảm (rảm) chín, chẵn (chẵn), long nhản (nhãn)...*

+ Dùng thừa từ:

(4) *Khi sử dụng nước cứng (độ cứng >16%) để rửa nguyên liệu, sẽ làm cho sản phẩm:*

a. có màu sẫm

b. bị sượng

c. làm cho nguyên liệu chắc hơn

d. làm cho sản phẩm trắng hơn.

(5) Nhược điểm của phương pháp làm trong nước quả bằng các dung dịch keo là:

- a. hương vị kém, thời gian dài
- b. thời gian kéo dài
- c. hiệu quả làm trong kém
- d. protein trong nước quả bị đông tụ, nước quả sẽ bị đục.

Trong hai dẫn chứng trên đây, những chữ **in đậm** là những chữ bị trùng.

- Về ngữ pháp:

+ Dùng dấu câu sai:

(6) Tung ngẫu nhiên một con xúc xắc. $A = \{xúc\ xắc\ xuất\ hiện\ mặt\ chấm\ chẵn\}$, $B = \{xúc\ xắc\ xuất\ hiện\ mặt\ chấm\ lẻ\}$. Câu nào sau đây sai

- $\{A, B\}$ đầy đủ
- A, B độc lập
- A, B đối lập
- A, B xung khắc

Trong ví dụ (6), “Câu nào sau đây sai?” là một câu hỏi, cuối câu bắt buộc phải có dấu chấm hỏi (?). Cũng trong câu này, còn có lỗi là dùng kí hiệu $\{A, B\}$ và A, B ở các câu trả lời thiếu nhất quán.

(7) Chọn nhóm nguyên liệu có thời gian thu hoạch tương tự nhau?

- a. xoài, chôm chôm, na
- b. dưa, cam, thanh long
- c. chuối, thanh long, nhãn
- d. xoài, chôm chôm, vải

Ngược lại, trong ví dụ (7), câu dẫn không phải là một câu hỏi nên không được dùng dấu chấm hỏi (?) ở cuối câu. Trường hợp này, cuối câu nên đặt dấu hai chấm (:).

Dạng lỗi ở hai ví dụ (6) và (7) khá phổ biến trong ngữ liệu về các câu trắc nghiệm.

(8) Cho $u = x^3 \arctg(y/z)$. Giá trị của $\frac{\partial u}{\partial y}$

- A. $3x^2 \arctg(y/z) + x^3 \arctg(y/z)$
- B. $3x^2 \arctg(y/z)$
- C. $\arctg(y/z)$
- D. Một đáp án khác

Trong ví dụ (8), sau câu dẫn bỏ lửng Giá trị của $\frac{\partial u}{\partial y}$ phải có dấu hai chấm

(:) hoặc từ “là”.

+ Cấu tạo ngữ pháp sai:

(9) Sau khi giải phương trình $(\sin x)dx + ydy = 0$ với điều kiện ban đầu $y(0) = -2$. Hãy tính giá trị của $y(\pi)$.

- A. 2
- B. 1
- C. 0
- D. π

Cách cấu trúc câu ở phần lựa chọn trả lời trên đây chỉ phù hợp với loại phân dẫn là câu bỏ lửng. Còn ở phần dẫn trên, cấu tạo câu (là một câu mệnh lệnh) đã hoàn tất, nên cấu tạo phần trả lời như vậy là không đúng cú pháp. Để chính xác, các câu lựa chọn ở đây phải viết là:

Giá trị của $y(\pi)$ là:

- A. 2
- B. 1
- C. 0
- D. π

Đồng thời, câu “Sau khi giải phương trình $(\sin x)dx + ydy = 0$ với điều kiện ban đầu $y(0) = -2$.” trong ví dụ (9) cũng là một câu sai ngữ pháp (thiếu nòng cốt câu). Muốn câu trên đúng ngữ pháp, cần thay dấu chấm (.) cuối câu bằng dấu phẩy (,), để câu này trở thành trạng ngữ của câu: “Sau khi giải phương trình $(\sin x)dx + ydy = 0$ với điều kiện ban đầu $y(0) = -2$, hãy tính giá trị của $y(\pi)$. (...)”

(10) Trong quá trình chần, hấp nguyên liệu, màu sắc rau quả sáng hơn do:

- a. các quá trình sinh hóa bị đình chỉ
 b. làm giảm lượng vi sinh vật bám ở mặt ngoài nguyên liệu
 c. đuổi bớt không khí trong gian bào
 d. phá hủy một số chất màu khi chần trong dung dịch muối acid.

Trong câu (10), các phương án lựa chọn b, c, d khi liên kết với phần dẫn thì đều cho ra những câu sai ngữ pháp (câu thiếu chủ ngữ (C): *màu sắc rau quả sáng hơn do (C?) làm giảm lượng vi sinh vật bám ở mặt ngoài nguyên liệu, (C?) đuổi bớt không khí trong gian bào, (C?) phá hủy một số chất màu khi chần trong dung dịch muối acid*).

- Về liên kết liên câu:

(11) Tìm phát biểu đúng : Cho $u = \arctg(x/y)$ và $v = tg(x/y)$

- A. $d(u \pm v) = du \pm dv$
 B. $d(u + v) = du \cdot dx + dv \cdot dy$
 C. $d(u \cdot v) = u \cdot dv \cdot dx - v \cdot du \cdot dy$
 D. $d(u - v) = du \cdot dx - dv \cdot dy$

Trong ví dụ (11), trật tự giữa hai câu ở phần dẫn thiếu logic. Cần sửa lại như sau: “Cho $u = \arctg(x/y)$ và $v = tg(x/y)$. Tìm phát biểu đúng : (...)”.

v.v.

2. Đối với những yêu cầu riêng của việc sử dụng ngôn ngữ trong từng loại bài trắc nghiệm khách quan
2.1. Loại câu trắc nghiệm đúng/sai (hai lựa chọn)

Loại câu trắc nghiệm này bao gồm một câu phát biểu và hai câu lựa chọn đúng/sai. Người làm bài phải trả lời bằng cách chọn lựa đúng hoặc sai.

Ví dụ:

(12) Giang sơn là từ ghép Hán Việt đẳng lập, đúng hay sai?

A – Đúng B – Sai

[1, 230]

Chỉ nên sử dụng loại câu trắc nghiệm đúng/sai để đo lường kiến thức về các sự kiện mà tính chất đúng/sai của sự kiện đó đã thật chắc chắn, không có ý kiến bất đồng.

Về đặc điểm ngôn ngữ của câu trắc nghiệm đúng/sai, các chuyên gia cho rằng ngoài những yêu cầu chung về sử dụng ngôn ngữ trên đây, cần phải:

a. Tránh “tiết lộ” qua cách dùng từ ngữ. “Những từ (ngữ) như “thường thường”, “đôi khi”, “một số người”, “có khi” v.v., bộc lộ một sự dè dặt nào đó, nên thường được dùng với những câu đúng. Học sinh có nhiều kinh nghiệm có thể khám phá ra điều này một cách dễ dàng”. [6, 50]

Sự dễ đoán qua cách dùng từ ngữ đó có thể nhận thấy qua các ví dụ sau:

(13) Trong thực tế ít gặp các văn bản chỉ sử dụng duy nhất một phương thức biểu đạt. Điều đó đúng hay sai?

A – Đúng B – Sai

[1, 238]

(14) Bài văn tự sự thường có bố cục ba phần. Điều đó đúng hay sai?

A – Đúng B – Sai.

[1, 236]

(15) Một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau. Điều đó đúng hay sai?

A – Đúng B – Sai.

[1, 234]

b. Cấu tạo câu hỏi thật ngắn gọn.

Ví dụ sau đây cho thấy câu hỏi còn dài dòng, rườm rà:

(16) *Vì hệ số Gini về mặt giá trị có thể tính bằng 2 lần diện tích tạo bởi đường cong L và đường phân giác nên giá trị lớn nhất của hệ số này bằng 2 đạt được khi diện tích trên lớn nhất bằng 1.*

A – Đúng B – Sai.

(Theo [6])

Câu trắc nghiệm này không cần nêu rõ nguyên nhân “(Vi) hệ số Gini về mặt giá trị có thể tính bằng 2 lần diện tích tạo bởi đường cong L và đường phân giác”, bởi đây là kiến thức mà đương nhiên người học phải nắm. Nên chữa lại như sau:

Khi diện tích tạo bởi đường cong L và đường phân giác bằng 1 thì giá trị lớn nhất của hệ số Gini (Ginimax) bằng 2. Điều đó đúng hay sai?

c. Mỗi câu trắc nghiệm loại này chỉ nên phát biểu về một ý độc nhất, tránh phức tạp, bao gồm nhiều chi tiết. Ví dụ sau đây là một dạng của câu trắc nghiệm đúng/sai có quá nhiều ý khác nhau, cần tránh:

(17) *Chọn phát biểu đúng:*

a. *Xoài thường được thu hoạch vào khoảng tháng 5, tháng 6*

b. *Quốc gia sản xuất xoài nhiều nhất trên thế giới là Mexico*

c. *Vải, nhãn có nguồn gốc ở Nam Mỹ*

d. *Manihotin có chứa trong củ và hạt cải có vị cay xốc, kích thích tiêu hóa.*

Có thể soạn nội dung trên thành 4 câu hỏi đúng/sai hoặc cải biến thành câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn.

d. Tránh lối diễn đạt phủ định, nhất là phủ định kép vì dễ bị hiểu nhầm. Nếu có dùng loại câu này thì cần phải gạch chân

hay thay đổi kiểu chữ của chữ *không* để gây sự chú ý cho người làm bài.

2.2. Loại câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn

Đây là “loại câu trắc nghiệm thông dụng nhất, nhưng cũng dễ phạm những sai lầm nhất” [6, 57]. Câu trắc nghiệm thuộc loại có nhiều lựa chọn gồm hai phần: phần câu dẫn và phần các phương án trả lời (phần lựa chọn). Phần câu dẫn có thể là một *câu hỏi* hay một *câu bỏ lửng*. Người soạn trắc nghiệm nên chọn dạng nào ít tốn thời gian đọc và ít khó khăn nhất đối với người làm trắc nghiệm. Nói chung, loại câu bỏ lửng thường tiết kiệm được ngôn ngữ hơn loại câu hỏi. Mỗi câu dẫn chỉ nên tập trung vào một ý và cũng không nên nhồi nhét quá nhiều tư liệu không thích hợp. Phần các phương án trả lời gồm một số (thường là 4 hay 5) câu trả lời hay câu bỏ túc để cho học sinh lựa chọn, trong đó chỉ có một lựa chọn được dự định cho là đúng hay đúng nhất, những lựa chọn còn lại là những “mồi nhử” hay “câu nhiễu”. Các phương án trả lời có cấu tạo khá đa dạng, thường được đánh dấu bằng các chữ cái A, B, C, D²... Các câu trả lời phải diễn đạt sao cho có vẻ hợp lí, có sức hấp dẫn như nhau và cần được sắp xếp theo trình tự ngẫu nhiên.

Ví dụ:

(18) *Phương trình $(x^2 - x^2y)dy + (y^2 + y^2x)dx = 0$ có nghiệm riêng thỏa $y(1, -1)$ là:*

A. $(x+y)xy + \ln|xy| + e^2 = 0$

B. $(x+y)/xy + \ln|x/y| = 0$

C. $(x - y)\ln|x/y| = 0$

D. $(x+y)xy + \ln|xy| - e^2 = 0$

(19) Hiện nay, cam được trồng nhiều ở quốc gia nào?

- A. Mỹ B. Thổ Nhĩ Kỳ
C. Braxin D. Achentina

Đặc điểm ngôn ngữ của câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn, ngoài những yêu cầu chung về sử dụng ngôn ngữ, được các chuyên gia nêu lên như sau.

a. Giữa các phương án lựa chọn phải có độ khó và độ dài tương đương. Tránh khuynh hướng chỉ dùng từ ngữ khó, ý tưởng chi tiết, đầy đủ ở câu lựa chọn đúng, còn ở các câu nhiễu thì lại dùng từ ngữ dễ hơn, ý tưởng tầm thường, vô lí vì người làm bài có thể suy ra câu đúng bằng phương pháp loại trừ.

Các ví dụ sau đây minh họa cho ý kiến trên.

(20) Dòng nào sau đây nêu đầy đủ nhất đặc điểm một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

- A. Là thể thơ có nguồn gốc từ đời Đường (Trung Quốc)
B. Là bài thơ gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ
C. Là bài thơ làm theo thể thơ Đường có 8 câu, mỗi câu 7 chữ
D. Là bài thơ có 7 câu, mỗi câu 5 chữ.

[2, 95]

Trong ví dụ trên, các câu nhiễu đều quá tầm thường, học sinh dễ dàng so sánh với câu C để nhận ra câu C gồm đủ ba ý: thất ngôn, bát cú, Đường luật.

(21) Từ “và” trong câu “Và không bao giờ có hai màu hòa hợp hơn được nữa” là quan hệ từ dùng để làm gì?

- A. Nói hai phần của chủ ngữ
B. Liên kết câu đó với câu trước đó

- C. Không có tác dụng liên kết
D. Làm chủ ngữ.

[2, 93]

Ở đây cũng vậy, các câu nhiễu A,C, D đều dễ dàng bị loại trừ đối với học sinh trung học cơ sở, nhất là với sự có mặt của quan hệ từ ở câu dẫn.

(22) Nhận xét nào dưới đây nêu được đầy đủ nhất cho từ sơn hà trong nhan đề Nam quốc sơn hà?

- A. Đó là một từ ghép thuần Việt
B. Đó là một từ ghép Hán Việt
C. Một từ chỉ giang sơn đất nước
D. Đó là từ ghép Hán Việt chỉ sông núi, các yếu tố tự nhiên của đất nước.

[2, 95]

Ở ví dụ (22) trên, ngoài dạng lỗi tương tự lỗi ở các ví dụ (26) và (27) sẽ nói ở d (phương án C là một danh ngữ, các phương án còn lại đều là cấu trúc chủ - vị), do cách hành văn quá đầy đủ, chi tiết của phương án D so với các phương án còn lại nên câu trắc nghiệm này đã mắc lỗi “tiết lộ” phương án đúng (D).

b. Nếu phần dẫn là câu bỏ lửng thì các phương án lựa chọn đều phải nối tiếp với phần câu bỏ lửng thành những cấu tạo sáng sủa, trọn vẹn về ngữ nghĩa và đúng ngữ pháp.

Trong ví dụ (21) trên kia, giữa câu dẫn: Từ “và” trong câu “Và không bao giờ có hai màu hòa hợp hơn được nữa” là quan hệ từ dùng để làm gì? với câu lựa chọn C. Không có tác dụng liên kết rõ ràng là không hề có sự liên kết nào về ngữ nghĩa – ngữ pháp (Liên kết hai phần thì câu trả lời sẽ thành: Từ “và” trong câu “Và không bao giờ có hai màu hòa

hợp hơn được nữa” là quan hệ từ dùng để không có tác dụng liên kết (!)

Các ví dụ sau đây cũng cho thấy người soạn trắc nghiệm đã không tuân thủ nguyên tắc này:

(23) Trong chế biến jam công nghiệp và jam cổ truyền có điểm khác nhau cơ bản về:

- a. có bổ sung pectin
- b. đun ở nhiệt độ thấp
- c. thông số kỹ thuật về pH, độ brix
- d. thời gian làm nguội

(24) Người ta thường thu hoạch chuối khi chuối có độ già:

- a. 70-80% và có màu xanh, gờ cạnh trái chuối đã tròn
- b. 85-90% và có màu xanh thẫm
- c. 80-90% và có màu xanh lẫn ít chấm vàng
- d. 90 – 95% và có màu xanh, gờ cạnh trái chuối đã tròn.

Trong câu (23) giữa phần dẫn “có điểm khác nhau cơ bản về:” với hai phương án lựa chọn “a. có bổ sung pectin, b. đun ở nhiệt độ thấp” không có sự liên kết cú pháp.

Trong câu (24), các phương án lựa chọn đều không có sự tương hợp ngữ nghĩa – ngữ dụng với phần dẫn: Phần dẫn hỏi về độ già của chuối, nhưng phần lựa chọn lại thừa lượng thông tin, nêu thêm những chi tiết không liên quan đến độ già: có màu xanh, gờ cạnh trái chuối đã tròn, có màu xanh thẫm, có màu xanh lẫn ít chấm vàng, có màu xanh, gờ cạnh trái chuối đã tròn. Câu này nên chữa lại như sau:

Độ già của chuối khi thu hoạch thường là:

- a. 70-80%
- b. 85-90%

- c. 80-90%
- d. 90 – 95%

Trong các ngữ liệu mà chúng tôi sưu tầm được, đây là một dạng lỗi có tần số xuất hiện tương đối cao.

c. Nên tránh sử dụng câu dẫn mang tính phủ định, nếu dùng, phải nhấn mạnh chữ không để tránh gây hiểu nhầm cho người làm bài.

Các ví dụ sau đây cho thấy các tác giả đã không tuân thủ triệt để nguyên tắc này:

(25) Hãy chọn ra nhận xét không đúng với đặc điểm văn bản thuyết minh trong những điều sau:

A – Văn bản thuyết minh cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân... của các hiện tượng tự nhiên và xã hội

B – Các tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích

C – Văn bản thuyết minh chỉ cần trình bày rõ ràng, không cần hấp dẫn

D – Phương thức thể hiện của văn bản thuyết minh là trình bày, giới thiệu, giải thích

[1, 241]

d. Các câu lựa chọn cần có cùng một hình thức hành văn. Trong các ví dụ (26) và (27) sau đây, hình thức hành văn, cấu trúc cú pháp giữa các phương án lựa chọn thiếu thống nhất, không cân đối:

(26) Lọc tinh là:

- a. quá trình lọc với tốc độ không đổi
- b. lọc với áp suất không đổi
- c. ở nhiệt độ cao
- d. ở nhiệt độ cao, áp suất cao

có thể chữa lại thành:

Lọc tinh là lọc:

a. với tốc độ không đổi

b. với áp suất không đổi

c. ở nhiệt độ cao

d. ở nhiệt độ cao, áp suất cao.

(27) Trong quá trình râm chín cà chua, không nâng nhiệt độ lên cao quá 30⁰C vì

a. làm cho quả cà chua bị mềm

b. giảm khả năng tổng hợp màu lycopene

c. cà chua chín không đồng đều

d. quả mất khả năng kháng bệnh

có thể chữa thành:

Trong quá trình râm chín cà chua, không nâng nhiệt độ lên cao quá 30⁰C vì sẽ làm cho quả cà chua:

a. bị mềm

b. giảm khả năng tổng hợp màu lycopene

c. chín không đồng đều

d. mất khả năng kháng bệnh.

Muốn thật sự gây nhiễu thì các phương án A, B, C, D trong (27) đều cần có mức độ phức tạp như nhau.

e. Các câu lựa chọn phải độc lập về ngữ pháp, ngữ nghĩa, đề phòng việc tạo nên những đầu mối không thích đáng về văn phạm.

Đây là một ví dụ tiêu biểu về loại lỗi này:

(28) *Yếu tố quyết định đến sự tiến hoá của con người là:*

a. Theo cơ chế sinh học: tiến hóa từ động vật bậc thấp đến bậc cao

b. Hay là do quá trình lao động tạo ra sự thay đổi của con người

c. Hoặc sự thay đổi khí hậu dẫn đến sự thay đổi phương thức sống

d. Chế tạo và sử dụng công cụ lao động hàng ngày.

[8]

f. Nên thận trọng khi dùng những câu lựa chọn kiểu “Tất cả đều đúng” hay “Tất cả đều sai”...

Về điều này, Dương Thiệu Tống đã phân tích:

“Câu “tất cả đều sai” chỉ nên dùng khi mỗi câu lựa chọn có thể được đánh giá là đúng hay sai một cách không thể chối cãi. Như vậy, nó chỉ thích hợp với những câu hỏi khảo sát sự hiểu biết mang tính chất sự kiện hơn là với những câu đòi hỏi khả năng phân biệt có cân nhắc, phán đoán.

Việc sử dụng “tất cả đều sai” có vẻ thích hợp nhất với những câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn đòi hỏi sự tính toán chẳng hạn như với các bài toán số học kèm theo một số đáp số cho sẵn. (...)

Lấy thí dụ, một câu trắc nghiệm có 5 lựa chọn, trong đó câu lựa chọn cuối cùng (thứ 5) được dự định là câu đúng. Trong trường hợp này, học sinh chỉ cần nhận được hai lựa chọn đúng trong số bốn lựa chọn là có thể đoán ra ngay câu lựa chọn thứ 5 là câu đúng. (...) Những câu như vậy thường là những câu kém, cần phải sửa đổi lại”. [6, 67-68]

Có thể thấy được như phân tích trên đây qua ví dụ sau:

(29) *Làm sạch là quá trình chế biến cơ học nhằm:*

a. loại bỏ các nguyên liệu không đủ quy cách

b. loại bỏ các phần không ăn được (vỏ, hạt, lõi)

c. loại bỏ đất, cát, bụi bám xung quanh sản phẩm

d. tất cả đều đúng.

Ở ví dụ này, câu d *tất cả đều đúng* sẽ bị loại trừ, nếu người làm bài nhận ra được một trong hai phương án a hay b sai: loại bỏ các nguyên liệu không đủ quy cách là khâu đầu tiên của quá trình chế biến cơ học nguyên liệu (“chọn lựa, phân loại”) và loại bỏ đất, cát, bụi bám xung quanh sản phẩm là khâu thứ hai của quá trình chế biến cơ học nguyên liệu (“rửa”). Và như vậy, câu trắc nghiệm trên chỉ còn lại hai phương án lựa chọn.

Cũng cần nói thêm về cấu tạo văn bản ở ví dụ (29). Đó là nên đưa “loại bỏ” lên phần dẫn để các câu lựa chọn được “sáng sửa” như sau:

Làm sạch là quá trình chế biến cơ học nhằm loại bỏ:

a. các nguyên liệu không đủ quy cách

b. các phần không ăn được (vỏ, hạt, lõi)

c. đất, cát, bụi bám xung quanh sản phẩm

d. tất cả đều đúng.

g. Tránh dùng những câu đối chọi hay phản nghĩa rõ rệt, vì đó là những câu loại trừ nhau, sẽ làm cho các phương án lựa chọn mặc nhiên bị rút xuống.

Trong ví dụ (30) sau đây, a và b không thể cùng đúng, do bị như phản nghĩa với bị cứng, và do đó d cũng sai(!):

(30) Trong sản xuất mút rim, nếu chọn quả còn xanh sẽ xảy ra các hiện tượng sau:

a. thành phẩm **bị như**, bị nứt

b. thành phẩm **bị cứng**, nước đường dễ đông

c. nước đường tách khỏi quả dễ dàng

d. a và b đều đúng

h. Tránh dùng những câu nhiều quá giống nhau về tính chất, vì như vậy sẽ làm cho câu đúng dễ bị nhận ra.

Ví dụ:

(31) Một số lớn các loại côn trùng còn tồn tại đến ngày nay, ấy là bằng chứng cho thấy:

a. chúng tương đối ít bị các loài vật săn mồi tấn công

b. chúng thích ứng tốt với môi trường

c. cấu trúc của chúng rất phức tạp

d. khả năng sinh sản của chúng rất lớn.

[6, 71]

Trong ví dụ này, các câu nhiều a, c và d đều có tính chất cụ thể hơn câu trả lời đúng b, nên câu b trở nên nổi bật.

Câu trắc nghiệm sau đây cũng mắc phải lỗi tương tự (31). Do tính chất giống nhau của các câu nhiều A, B, D nên câu trả lời đúng C trở nên nổi bật, dễ nhận ra hơn:

(32) Chủ đề của bài Bạn đến chơi nhà là gì?

A. Thể hiện niềm vui khi bạn đến chơi

B. Cảm xúc khó xử vì không tiếp bạn đang hoàng

C. Thể hiện quan niệm về tình bạn đẹp đậm đà, thắm thiết

D. Xúc động lúng túng khi bạn đến chơi nhà.

i. Tránh đưa ra những câu lựa chọn trùng ý, vì trong trường hợp này chắc chắn những câu trùng ý sẽ bị loại bớt.

Ví dụ:

(33) Khi sử dụng nước rửa có chứa nhiều hàm lượng sắt, sẽ làm cho nguyên liệu:

- a. có màu sẫm b. bị sượng
c. bị cứng hơn d. có màu sáng hơn

Trong câu trắc nghiệm trên, do b và c trùng ý (bị sượng = bị cứng hơn), nên các phương án lựa chọn thực chất chỉ còn 3.

2.3. Loại câu trắc nghiệm ghép đôi

Ví dụ:

(34) Nói thông tin ở cột A với thông tin ở cột B để có định nghĩa đúng:

A	B
1. Từ tượng hình	a) là từ ngữ chỉ được dùng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định
2. Từ tượng thanh	b) là từ chỉ được dùng trong một tầng lớp nhất định
3. Từ ngữ địa phương	c) là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người
	d) là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật

[1, 204]

Loại câu trắc nghiệm này thật ra chỉ là dạng đặc biệt của loại trắc nghiệm có nhiều lựa chọn trên đây.

Với loại này, người ra đề cần có câu hướng dẫn cách thức ghép đôi thật rõ ràng. Các dòng trên mỗi cột phải có cấu trúc tương đương, không nên quá dài hay dùng câu phủ định. Cần tránh nêu ở hai cột quá nhiều đơn vị, vì sẽ gây khó khăn trong việc đọc và tìm câu tương ứng để cặp đôi.

2.4. Loại câu trắc nghiệm điền khuyết (điền vào chỗ trống)

Đây là loại trắc nghiệm mà trong câu phát biểu có một chỗ trống, người làm bài lựa chọn trong số các từ ngữ cho

Đây là loại trắc nghiệm được trình bày thành hai dãy thông tin, dãy bên trái là các câu dẫn được sắp xếp theo một trật tự logic và dãy bên phải là các câu dùng để lựa chọn ghép đôi (nói) một cách thích hợp với câu bên trái được sắp xếp ngẫu nhiên. Nên dành ở cột bên phải số đơn vị lựa chọn nhiều hơn số đơn vị câu hỏi ở cột bên trái và có thể dùng một lựa chọn đúng với hai hay nhiều câu hỏi.

sẵn một từ ngữ phù hợp để điền vào chỗ trống đó theo hướng dẫn.

Ví dụ:

(35) Hãy chọn từ ngữ thích hợp (đúng với văn bản) để điền vào chỗ trống trong câu thơ sau (khoanh tròn vào chữ cái đứng trước từ ngữ em chọn):

“Tiếng ca... lưng chừng núi” (Hàn Mặc Tử, Mùa xuân chín)

A – Vắt vẻo

B – Cao vút C – Hồn hển.

[1, 203]

Câu trắc nghiệm loại điền khuyết (36) sau đây chưa chuẩn vì còn thiếu câu hướng dẫn cách thức trả lời:

(36) Hợp chất... tập trung nhiều ở vỏ quả.

a. cellulose

b. tinh bột

c. pectin

d. phenol.

Nói chung, loại câu trắc nghiệm này yêu cầu người viết thiết kế sao cho có thể trả lời bằng một ngữ đoạn ngắn gọn mang tính đặc trưng (người, vật, địa điểm, thời gian, khái niệm...), không dùng từ ngữ theo kiểu đánh đố tư duy, không để quá nhiều khoảng trống trong một câu (vì sẽ làm cho câu trở nên khó hiểu, người trả lời dễ bị rối).

Trắc nghiệm khách quan đã và đang là một hình thức đo lường kết quả học tập phổ biến trên thế giới. Ở nước ta, nó nằm trong phương hướng đổi mới xây dựng đề kiểm tra, đánh giá cho các môn học

trong nhà trường. Trên thực tế, hình thức trắc nghiệm khách quan đang thay thế dần (hoặc kết hợp với) hình thức thi tự luận ở rất nhiều môn học. Những ưu điểm, nhược điểm của hình thức đánh giá này đã được các chuyên gia, các nhà giáo dục quan tâm mổ xẻ. Những nguyên tắc chung của việc soạn câu trắc nghiệm cũng đã được trình bày trong nhiều công trình nghiên cứu. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi sâu giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn. Hi vọng bài viết sẽ đóng góp một phần vào việc cung cấp những hiểu biết cần thiết về phương diện ngôn ngữ của các loại bài trắc nghiệm khách quan.

¹ Những ví dụ không có chú thích riêng trong bài đều là từ nguồn ngữ liệu này.

² Trong bài này, các kí hiệu đặt đầu câu lựa chọn được chúng tôi giữ nguyên như cách trình bày ở văn bản gốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục trung học sơ sở môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004-2007), *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên THCS chu kì III (2004-2007) môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.
3. Patrick Griffin (1995), *Testing and Evaluation (Trắc nghiệm và Đánh giá)*, Tài liệu dùng cho các lớp tập huấn tại TPHCM, Huế, Hà Nội.
4. Nguyễn Phụng Hoàng, Võ Ngọc Lan (1999), *Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá thành quả học tập*, Nxb Giáo dục.
5. Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Dương Thiệu Tống (1995), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (Phương pháp thực hành)*, Trường Đại học Tổng hợp TPHCM.
7. <http://kikiko.wordpress.com/2007/06/06/cu-h%E1%BB%8Fi-tr%E1%BA%AFc-nghi%E1%BB%87m-dng-sai-mn-kinh-t%E1%BA%BF-pht-tri%E1%BB%83n-2/>
8. <http://thptchuyenqb-quangbinh.edu.vn/web/tochuyenmon/su-gd/thuvien/128-nguyen-tc-va-bin-phap-s-dng-cau-hi-trc-nghim-khach-quan-trong-kim-tra-anh-gia>
9. <http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/tuyensinh/2005/01/364898/>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 31-8-2011; ngày chấp nhận đăng: 17-9-2011)